

Bản án số: **40** /2017/HNGĐ-ST

Ngày: 31/8/2017

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯƠNG MỸ, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Lợi

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Trung Ủy

Bà Nguyễn Thị Thanh Hà

-Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ tham gia phiên tòa: Ông Trương Văn Xà - Kiểm sát viên

Ngày 31 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 113/2017/TBTL–HNGĐ ngày 16/5/2017 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2017/QĐXXST–HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1979

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Thôn PN, xã PC, huyện CM, Thành phố Hà Nội

2.Bị đơn: Chị Vũ Thị Cẩm N, sinh năm 1986

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Khu TS, thị trấn CS, huyện CM, Thành phố Hà Nội.

Anh T có mặt, chị N vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 11/5/2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn anh Nguyễn Văn T trình bày:

1.Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Vũ Thị Cẩm N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu và có đăng ký kết hôn ngày 25/12/2008 tại Ủy ban nhân dân xã PC, huyện CM, Thành phố Hà Nội. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau tại nhà anh ở Thôn PN, xã PC, huyện CM, Thành phố Hà Nội. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do chị N thường xuyên chơi lô đề, cờ bạc và vay mượn của rất nhiều người khi anh phát hiện chị N lại bỏ nhà đi vài ngày mới về xin lỗi, anh tha thứ để vợ chồng làm ăn nuôi con. Nhưng chị N không thay đổi vẫn tiếp tục chơi cờ bạc, vay mượn. Anh khuyên ngăn nhiều nhưng chị N không nghe lời. Từ tháng 4 năm 2016 vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Nay anh xác định tình cảm không còn nên đề nghị Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ giải quyết cho anh được ly hôn chị Vũ Thị Cẩm N.

2.Về con chung: Anh và chị N có 01 con chung là Nguyễn Tùng A, sinh ngày 09/6/2009, hiện tại cháu A đang ở với anh. Khi ly hôn anh có nguyện vọng tiếp tục được nuôi dưỡng, chăm sóc cháu A và tự nguyện không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng nuôi con chung.

3.Về tài sản chung, công nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Vũ Thị Cẩm N trình bày:

1.Về quan hệ hôn nhân: Chị xác nhận về thời gian, điều kiện kết hôn, nơi đăng ký kết hôn và nơi vợ chồng chung sống đúng như anh T trình bày. Theo chị vợ chồng sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do không hợp nhau về cách sống và chăm con nên vợ chồng sống ly thân từ tháng 5 năm 2016 đến nay. Nay anh T xin ly hôn với chị, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đồng ý ly hôn.

2.Về con chung: Chị xác nhận giữa chị và anh T có 01 con chung là Nguyễn Tùng A, sinh ngày 09/6/2009, hiện tại cháu Tùng A đang ở với anh T. Khi ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu Tùng A và tự nguyện không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

3.Về tài sản chung, công nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Anh T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin được ly hôn chị N và yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Tùng A, không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C.M phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn anh T đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn chị N không chấp hành quyền, nghĩa vụ của bị đơn theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào ý kiến, quan điểm của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ do Tòa án thu thập. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của anh T và xử cho anh T được ly hôn chị N; Về con chung: giao cháu Nguyễn Tùng A, sinh ngày 09/6/2009 cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng, tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với chị N; Về tài sản chung, công nợ chung: không yêu cầu nên không xem xét; Về án phí: anh T phải chịu án phí về phần ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về tố tụng:** Bị đơn chị Vũ Thị Cẩm N đang cư trú tại thị trấn CS, huyện CM, Thành phố Hà Nội. Tòa án nhân dân huyện C.M thụ lý giải quyết là

đúng thẩm quyền theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Chị N đã được tổng đạt hợp lệ: Thông báo thụ lý vụ án; Giấy triệu tập; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn cố tình vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2. Theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị N.

[2] **Về nội dung:** Quan hệ hôn nhân giữa anh Nguyễn Văn T và chị Vũ Thị Cẩm N trên cơ sở tự nguyện, tuân thủ điều kiện kết hôn, có đăng ký kết hôn ngày 25/12/2008 tại Ủy ban nhân dân xã PC, huyện CM, Thành phố Hà Nội nên hôn nhân giữa anh T và chị N là hôn nhân hợp pháp. Trên cơ sở lời khai của anh T, chị N và kết quả thu thập chứng cứ về tình trạng hôn nhân cho thấy: Theo anh T trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do chị N thường xuyên chơi lô đề, cờ bạc, anh khuyên ngăn nhiều nhưng chị N không nghe lời. Theo chị N vợ chồng sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do không hợp nhau về cách sống và chăm con. Thực tế, anh T và chị N đã sống ly thân từ tháng 4 năm 2016 đến nay. Anh T xin ly hôn chị N cũng đồng ý. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa anh T và chị N là trầm trọng, cuộc sống chung đã không tồn tại từ lâu, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận đơn xin ly hôn của anh T với chị N là phù hợp với quy định pháp luật.

[3] **Về con chung:** Anh T và chị N xác nhận có 01 con chung là Nguyễn Tùng A, sinh ngày 09/6/2009, hiện đang ở với anh T. Khi ly hôn, anh T và chị N đều có nguyện vọng được nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Tùng A. Cả hai đều tự nguyện không yêu cầu phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét việc xin nuôi con chung thấy: Từ khi anh T và chị N sống ly thân đến nay cháu Tùng A vẫn do anh T nuôi dưỡng, chăm sóc ổn định, chị N bỏ mặc không quan tâm, thăm nom chăm sóc con chung. Cháu Tùng A có nguyện vọng xin được ở với bố. Mặt khác, anh T có công việc và thu nhập ổn định từ 8.000.000 đồng đến 9.000.000 đồng/tháng. Xuất phát từ lợi ích mọi mặt của cháu Tùng A, theo quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và nguyện vọng của con chung trên 07 tuổi cần giao cháu Tùng A cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh T tự nguyện không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con chung cho đến khi có sự thay đổi khác.

[4] **Về tài sản chung, công nợ chung:** Anh T, chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5] **Về án phí:** Anh T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia

đình năm 2014; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

1.Về hôn nhân: Anh Nguyễn Văn T được ly hôn chị Vũ Thị Cẩm N.

2.Về con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Tùng A, sinh ngày 09/6/2009 cho anh Nguyễn Văn T tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu Tùng A đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

Ghi nhận sự tự nguyện của anh T không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con chung. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho chị N cho đến khi có sự thay đổi khác.

Chị N có quyền, nghĩa vụ đi lại, thăm nom chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

3.Về tài sản chung, công nợ chung: Anh T, chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

4.Về án phí: Anh Nguyễn Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về phân ly hôn. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2015/0002786 ngày 15/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.M, TP. Hà Nội.

Án xử công khai sơ thẩm; anh Nguyễn Văn T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Vũ Thị Cẩm N có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã, phường nơi cư trú.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND TP. Hà Nội;
- VKSND huyện C.M;
- Chi cục THADS huyện C.M;
- UBND xã PC, huyện CM, TP. Hà Nội;
- Lưu HSVA – VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thế Lợi